

PHỤ LỤC 4: ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 3 THÁNG ĐẦU NĂM 2020

(Đính kèm Công văn số 1496/UBND-KT ngày 24 tháng 4 năm 2020
của Ủy ban nhân dân thành phố)



Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NSDP (không kể GTGC, các khoản chuyển giao giữa các cấp ngân NS)	102.048.059	12.146.114	11,90	113,42
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	93.354.914	10.327.909	11,06	102,40
I	Chi đầu tư phát triển	36.103.906	2.758.636	7,64	87,74
1	Chi đầu tư cho các dự án		2.731.715		87,24
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật		14.000		
3	Chi đầu tư phát triển khác		12.921		100,25
II	Chi thường xuyên	46.650.000	7.560.011	16,21	109,33
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	15.980.921	2.378.171	14,88	107,78
2	Chi khoa học và công nghệ	1.036.705	390.857	37,70	195,09
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	3.150.070	303.207	9,63	102,48
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	510.159	77.774	15,25	104,08
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	73.215	11.022	15,05	115,78
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	568.753	41.064	7,22	97,42
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	4.249.827	549.140	12,92	94,31
8	Chi sự nghiệp kinh tế	7.514.176	573.496	7,63	141,35
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	8.266.842	1.643.371	19,88	109,00
10	Chi bảo đảm xã hội	2.978.367	1.096.942	36,83	109,05
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	1.607.948	9.262	0,58	34,96
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	11.400		0,00	
V	Dự phòng ngân sách	3.500.000		0,00	
VI	Chi tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương		6.287.938		

A	B	1	2	3=2/1	4
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP	8.693.145	1.818.205	20,92	291,49
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	0	0		
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	8.198.552	1.684.150	20,54	272,37
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	494.593	134.055	27,10	2.468,78

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ